

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2019/DSST

Ngày: 01/8/2019

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA , TỈNH PHÚ YÊN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Xuân Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Khoa Việt và ông Hà Trọng Khá;

- *Thư ký phiên tòa :* Bà Phan Thị Lệ Siêng- Thư ký tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa:* Ông Trương Đức Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 187/2018/TLST - DS ngày 03 tháng 12 năm 2018 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2019/QĐXXST - DS ngày 21 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần (TMCP) C; địa chỉ trụ sở: đường T, quận H, thành phố H. *Người đại diện theo văn bản ủy quyền số 912/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 16/11/2018 của Chủ tịch Hội đồng quản trị có:* Ông Lâm Minh C - Cán bộ xử lý nợ thuộc Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Phú Yên. Có mặt.

- *Bị đơn:* Vợ chồng ông Đào Tuấn C, sinh năm 1981 và bà Lương Thị L, sinh năm 1987;

Nơi ĐKTT: khu phố P1, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Chỗ ở: khu phố T, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP C do ông Lâm Minh C đại diện trình bày:*

- Ngày 28/7/2015, giữa Ngân hàng TMCP C và vợ chồng ông Đào Tuấn C, bà Lương Thị L có ký kết hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ số 570/2015-

HĐTD/NHCT560/PBL ngày 28/7/2015. Theo đó, Ngân hàng cho vợ chồng ông Đào Tuấn C, bà Lương Thị L vay số tiền 65.000.000đ, lãi suất cho vay tại thời điểm ký kết hợp đồng là 7,5%/năm, lãi phạt quá hạn bằng 50% mức lãi suất cho vay trong hạn theo thỏa thuận tại thời điểm phát sinh nợ lãi quá hạn, thời hạn vay 05 năm, kỳ trả lãi 01 tháng/kỳ, ngày trả gốc và lãi ngày 20 hàng tháng bắt đầu trả từ ngày 20/8/2015 đến ngày 20/7/2020 trả dứt điểm. Tuy nhiên, đến ngày 20/10/2017, vợ chồng ông C, bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Sau nhiều lần làm việc nhưng vợ chồng ông C, bà L vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP C. Tính đến ngày 01/8/2019, vợ chồng C, L còn nợ Ngân hàng TMCP C số tiền: gốc 31.306.000đ, lãi cộng dồn 5.692.981đ, lãi phạt chậm trả 776.125đ, tổng cộng nợ gốc lãi là 37.775.106đ.

- Ngày 05/01/2013, giữa Ngân hàng TMCP C và ông Đào Tuấn C đã ký kết Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế Cremium kèm Hợp đồng. Theo đó, Ngân hàng đồng ý phát hành thẻ tín dụng quốc tế cho ông C với hạn mức 30.000.000đ. Theo quy định của sản phẩm thẻ tín dụng tại Ngân hàng C, hàng tháng ông C phải trả tối thiểu 5% số tiền trên kỳ sao kê hàng tháng. Tuy nhiên đến ngày 26/10/2017, ông C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Sau nhiều lần làm việc nhưng ông C vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ, đúng hạn cho Ngân hàng. Tính đến ngày 01/8/2019, ông C còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 22.721.806đ, lãi cộng dồn 10.283.924đ, tổng cộng 33.005.730đ. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu:

- Vợ chồng ông C, bà L có trách nhiệm trả số tiền nợ 37.775.106đ cùng tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết ngày 28/7/2015 cho đến khi trả hết nợ.

- Ông C có trách nhiệm trả số tiền nợ 33.005.730đ cùng tiền lãi phát sinh theo giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng Cremium kèm Hợp đồng đã ký kết cho đến khi trả hết nợ.

** Bị đơn vắng mặt nên không có lời trình bày.*

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định, đảm bảo cho đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng thủ tục tố tụng; Đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

+ Về nội dung vụ án: căn cứ các điều 91,95,98 Luật các tổ chức tín dụng; đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi trả hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hợp đồng tín dụng giữa pháp nhân với cá nhân không có mục đích kinh doanh là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thành phố Tuy Hòa nên Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện và lãnh thổ về nơi cư trú của bị đơn.

[2] Bị đơn vợ chồng ông Đào Tuấn C và bà Lương Thị L được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ các điều 227, 228, của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[4] Căn cứ hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số 570/2015 - HĐTD/NHCT560/PBL ngày 28/7/2015 và các tài liệu, chứng cứ khác do nguyên đơn cung cấp, đủ cơ sở xác định:

Ngày 28/7/2015, Ngân hàng TMCP C cho vợ chồng ông Đào Tuấn C, bà Lương Thị L vay số tiền 65.000.000đ, lãi suất cho vay tại thời điểm ký kết hợp đồng là 7,5%/năm, lãi phạt quá hạn bằng 50% mức lãi suất cho vay trong hạn theo thỏa thuận tại thời điểm phát sinh nợ lãi quá hạn, thời hạn vay 05 năm, kỳ trả lãi 01 tháng/kỳ, ngày trả gốc và lãi ngày 20 hàng tháng bắt đầu trả từ ngày 20/8/2015 đến ngày 20/7/2020 trả dứt điểm. Tuy nhiên, đến ngày 20/10/2017, vợ chồng ông C, bà L ngưng trả nợ là vi phạm quy định của Hợp đồng tín dụng. Do đó Ngân hàng TMCP C có quyền khởi kiện thu hồi nợ trước thời hạn. Tính đến ngày 01/8/2019, vợ chồng C, L còn nợ Ngân hàng TMCP C số tiền: gốc 31.306.000đ, lãi cộng dồn 5.692.981đ, lãi phạt chậm trả 776.125đ, tổng cộng nợ gốc lãi là 37.775.106đ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn vợ chồng ông C, bà L phải trả cho nguyên đơn số tiền 37.775.106đ. Kể từ ngày 02/8/2019 cho đến khi trả xong nợ gốc, vợ chồng ông Đào Tuấn C và bà Lương Thị L còn phải trả lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận của hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số 570/2015 - HĐTD/NHCT560/PBL ngày 28/7/2015 được ký kết giữa các bên.

[5] Căn cứ Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế Cremium kèm Hợp đồng ngày 05/01/2013 và các tài liệu, chứng cứ khác do nguyên đơn cung cấp, đủ cơ sở xác định:

Ngày 05/01/2013, Ngân hàng TMCP C phát hành thẻ tín dụng quốc tế Cremium kèm hợp đồng cho ông Đào Tuấn C với hạn mức 30.000.000đ. Theo quy định của sản phẩm thẻ tín dụng tại Ngân hàng C, hàng tháng ông C phải trả tối thiểu 5% số tiền trên kỳ sao kê hàng tháng. Tuy nhiên đến ngày 26/10/2017, ông C

vẫn không trả nợ đầy đủ, đúng hạn nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định. Do đó Ngân hàng TMCP C có quyền khởi kiện thu hồi nợ Tính đến ngày 01/8/2019, ông C còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 22.721.806đ, lãi cộng dồn 10.283.924đ, tổng cộng 33.005.730đ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông C phải trả cho nguyên đơn số tiền 33.005.730đ cùng tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng cho đến khi trả hết nợ. Kể từ ngày 02/8/2019 cho đến khi trả xong nợ gốc, ông Đào Tuấn C còn phải trả lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận của Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế Cremium kèm Hợp đồng ngày 05/01/2013 được ký kết giữa các bên.

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ khoản 2, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C đối với vợ chồng ông Đào Tuấn C và bà Lương Thị L, buộc vợ chồng ông C và bà L phải trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP C số tiền: 37.775.106đ (ba mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn một trăm linh sáu đồng), (trong đó gốc 31.306.000đ, lãi cộng dồn 5.692.981đ, lãi phạt chậm trả 776.125đ) theo hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ số 570/2015 - HĐTD/NHCT560/PBL ngày 28/7/2015.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 02/8/2019) cho đến khi trả xong nợ gốc, vợ chồng ông Đào Tuấn C và bà Lương Thị L còn phải trả lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận của hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ số 570/2015 - HĐTD/NHCT560/PBL ngày 28/7/2015 được ký kết giữa các bên.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C đối với ông Đào Tuấn C, buộc ông Đào Tuấn C phải trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP C số tiền: 33.005.730đ (ba mươi ba triệu không trăm linh năm nghìn bảy trăm ba mươi đồng), (trong đó gốc 22.721.806đ, lãi cộng dồn 10.283.924đ) theo Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế Cremium kèm Hợp đồng ngày 05/01/2013.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 02/8/2019) cho đến khi trả xong nợ gốc, ông Đào Tuấn C còn phải trả lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận của Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế Cremium kèm Hợp đồng ngày 05/01/2013 được ký kết giữa các bên.

- Về án phí: Vợ chồng ông Đào Tuấn C và bà Lương Thị L phải nộp 1.888.000đ (một triệu tám trăm tám mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và ông Đào Tuấn C phải nộp 1.650.000đ (một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP C số tiền 1.753.000đ (một triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp có tại biên lai thu tiền số 0012002 ngày 09/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Tuy Hòa;
- TAND Phú Yên;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Thu